TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thanh Thủy

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Công Lương và ông Huỳnh Thanh Trà.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Tới – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Xuân Thủy N - sinh năm 1985. Có mặt

- Bị đơn: Ông Bùi Văn K - Sinh năm 1980. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: A Ông Í, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn, nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Bà Hồ Xuân Thủy N và ông Bùi Văn K đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không phù hợp về quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 6 năm 2023 ông K đã bỏ nhà đi, không báo cho gia đình biết địa chỉ, không có trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Bà N nhận thấy mâu thuẫn đã kéo dài và trầm trọng, không thể khắc phục, không còn tình cảm vợ chồng với ông K, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà mong muốn Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Bà N và ông K có 04 con chung tên Bùi Gia H – sinh ngày 26/10/2012, Bùi Gia T – sinh ngày 25/9/2014, Bùi Gia B – sinh ngày 07/3/2017 và Bùi Gia H1 – sinh ngày 15/12/2019. Ly hôn, bà N có nguyện vọng được nuôi cả 04 con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà N xác định bà và ông K không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà N xác định bà và ông K không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập nhiều lần để tiến hành hòa giải và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà N, tuy nhiên ông Bùi Văn K vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả xác minh tại tổ dân phố nơi ông K và bà N sinh sống xác định, ông K và bà N có thời gian cư trú tại A Ông Í, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng cùng 4 con chung. Tuy nhiên từ cách đây 2 năm, ông K đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, đi đâu không rõ. Bà N vẫn sinh sống tại địa chỉ trên cùng 4 con nhỏ. Quá trình chung sống tại tổ dân phố, địa phương không rõ về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Tại phiên tòa bị đơn – ông Bùi Văn K vắng mặt không có lý do. Dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn, nuôi con là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Xuân Thủy N đối với ông Bùi Văn K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 mà không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông Bùi Văn K và bà Hồ Xuân Thủy N kết hôn vào năm 2012, đăng ký tại UBND phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu của bà N thì thấy: Quá trình chung sống, do tính tình, quan điểm không phù hợp, dẫn đến ông K và bà N phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ tháng 6 năm 2023, ông K đã bỏ nhà đi đâu không rõ, chỉ thỉnh thoảng gọi điện hỏi thăm con. Ông K không có trách nhiệm chăm sóc con cái, quan tâm chia sẻ cùng vợ. Thực tế

ông bà đã sống ly thân từ đó đến nay. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn giữa ông K và bà N đã kéo dài và không thể khắc phục. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hòa giải nhưng ông K vẫn không có mặt, không có ý chí muốn hàn gắn quan hệ. Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích pháp lý và tình cảm cho bà N nhưng bà vẫn kiên quyết xin ly hôn, xác định không còn tình cảm, không thể sống chung với ông K. Xét thấy tình cảm vợ chồng cần phải vun đắp từ hai phía mới đảm bảo cuộc sống chung hạnh phúc, nhưng tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông K đã mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Ông K và bà N có 04 con chung tên Bùi Gia H – sinh ngày 26/10/2012, Bùi Gia T – sinh ngày 25/9/2014, Bùi Gia B – sinh ngày 07/3/2017 và Bùi Gia H1 – sinh ngày 15/12/2019. Ly hôn, bà N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 04 con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý yêu cầu khởi kiện, ông K không có ý kiến phản hồi gì về yêu cầu nuôi con của bà N. HĐXX xét thấy, các con chung hiện đang sống cùng mẹ ổn định, ông K đã bỏ đi đâu không rõ địa chỉ, việc giao các con chung cho ông K nuôi dưỡng là không đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho các cháu. Đồng thời các cháu Bùi Gia H, Bùi Gia T, Bùi Gia B đều có nguyện vọng được ở với mẹ nên tiếp tục giao các con chung cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. HĐXX nhận thấy nguyên đơn hiện có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện chăm sóc con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà N xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, ông K không có ý kiến gì nên HĐXX không đề cập đến.

[6] Về nợ chung: Bà N xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về nợ chung, ông K không có ý kiến gì nên HĐXX không đề cập đến.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Hồ Xuân Thủy N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Xuân Thủy N về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" đối với ông Bùi Văn K.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Hồ Xuân Thủy N được ly hôn với ông Bùi Văn K.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Bùi Gia H – sinh ngày 26/10/2012, Bùi Gia T – sinh ngày 25/9/2014, Bùi Gia B – sinh ngày 07/3/2017 và Bùi Gia H1 – sinh ngày 15/12/2019 cho bà Hồ Xuân Thủy N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Bùi Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên thực hiện theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình.

3. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Hồ Xuân Thủy N phải chịu, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N đã nộp theo biên lai thu số 0000083 ngày 07/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *UBND phường Phường Đúc (Số đk 54, ngày 30/5/2012);*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Thủy